

**LỊCH THI**

**Tiếng Anh nội bộ - Năm học 2021-2022 - Đợt 2**

**I. Phân nhóm thi**

| Nhóm | Số SV mỗi nhóm | Mã sinh viên      |
|------|----------------|-------------------|
| N1   | 77             | 1401598 - 1701210 |
| N2   | 77             | 1701211 - 1701444 |
| N3   | 77             | 1701447 - 1701665 |
| N4   | 25             | 1701666 - 1801791 |

**II. Lịch thi kỹ năng đọc**

| Nhóm | Thời gian thi         | Mã sinh viên      |                   |
|------|-----------------------|-------------------|-------------------|
|      |                       | Phòng máy 1       | Phòng máy 2       |
| N1   | 8h00 ngày 22/05/2022  | 1401598 - 1701097 | 1701100 - 1701210 |
| N2   | 9h15 ngày 22/05/2022  | 1701211 - 1701315 | 1701316 - 1701444 |
| N3   | 10h30 ngày 22/05/2022 | 1701447 - 1701547 | 1701550 - 1701665 |
| N4   | 15h15 ngày 22/05/2022 | 1701666 - 1801791 |                   |

**III. Lịch thi kỹ năng nghe và viết**

| Thời gian thi            | Mã sinh viên      | Phòng thi      |
|--------------------------|-------------------|----------------|
| 13h30 ngày<br>22/05/2022 | 1401598 - 1701123 | Giảng đường 4  |
|                          | 1701125 - 1701238 | Giảng đường 5  |
|                          | 1701239 - 1701365 | Giảng đường 8a |
|                          | 1701368 - 1701478 | Giảng đường 8b |
|                          | 1701480 - 1701598 | Giảng đường 17 |
|                          | 1701599 - 1801791 | Giảng đường 18 |

**IV. Lịch thi kỹ năng nói**

Sinh viên bốc thăm 01 chủ đề nói, thời gian chuẩn bị khoảng 5-7 phút (không tính vào thời lượng thi). Thời lượng thi của mỗi sinh viên: 10 phút.

Thứ tự thi theo mã sinh viên của mỗi ca thi, giảng đường thi, cụ thể:

**1. Ngày 22/05/2022**

| Nhóm | Thời gian bắt đầu ca thi | Mã sinh viên      |                   |                   |
|------|--------------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
|      |                          | Giảng đường 9     | Giảng đường 10    | Giảng đường 11    |
| N3   | 7 giờ 30                 | 1701447 - 1701516 | 1701518 - 1701589 | 1701590 - 1701665 |
| N4   | 9 giờ 50                 | 1701666 - 1706002 | 1706006 - 1801485 | 1801624 - 1801791 |
| N1   | 10 giờ 40                | 1401598 - 1701018 | 1701019 - 1701061 | 1701067 - 1701095 |
|      | 15 giờ 15                | 1701097 - 1701130 | 1701132 - 1701184 | 1701186 - 1701210 |

**2. Ngày 23/05/2022**

| Nhóm | Thời gian bắt đầu ca thi | Mã sinh viên      |                   |
|------|--------------------------|-------------------|-------------------|
|      |                          | Giảng đường 9     | Giảng đường 10    |
| N2   | 8 giờ 00                 | 1701211 - 1701316 | 1701322 - 1701444 |

**V. Lưu ý chung**

Yêu cầu sinh viên theo dõi lịch thi và danh sách phân nhóm đính kèm, có mặt tại phòng thi trước giờ thi 30 phút, thực hiện khai báo y tế theo hướng dẫn của phòng Quản lý sinh viên và Trạm Y tế, đồng thời nghiêm túc thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh COVID-19.

**Nơi nhận:**

- Ban Giám hiệu;
- P. QLSV, ĐBCL&KT, QLCSVC, TCKT;
- BM. Ngoại ngữ, Trạm Y tế;
- Website;
- Lưu: VT, ĐT.

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2022

**KT. HIỆU TRƯỞNG**  
**PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



**Đinh Thị Thanh Hải**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH PHÂN NHÓM SINH VIÊN  
THI TIẾNG ANH NỘI BỘ NĂM HỌC 2021-2022 - ĐỢT 2

| STT | Nhóm | MSV     | Họ tên               | Lớp   |
|-----|------|---------|----------------------|-------|
| 1   | N1   | 1401598 | Phạm Bá Thương       | Q1K71 |
| 2   | N1   | 1401604 | Nguyễn Thu Thủy      | P1K69 |
| 3   | N1   | 1501136 | Xa Thị Thanh Hà      | P1K72 |
| 4   | N1   | 1501474 | Phan Đặng Hải Thu    | Q1K71 |
| 5   | N1   | 1601137 | Nguyễn Ngọc Đức      | O1K72 |
| 6   | N1   | 1601826 | Nguyễn Hải Trung     | O1K71 |
| 7   | N1   | 1701001 | Nguyễn Thị Ái        | N1K72 |
| 8   | N1   | 1701006 | Đinh Nguyên Anh      | O1K72 |
| 9   | N1   | 1701008 | Đỗ Thị Vân Anh       | P1K72 |
| 10  | N1   | 1701014 | Lương Thị Vân Anh    | M1K72 |
| 11  | N1   | 1701016 | Nguyễn Minh Anh      | O1K72 |
| 12  | N1   | 1701018 | Nguyễn Thị Mai Anh   | P1K72 |
| 13  | N1   | 1701019 | Nguyễn Thị Ngọc Anh  | P1K72 |
| 14  | N1   | 1701028 | Nguyễn Tùng Anh      | Q1K72 |
| 15  | N1   | 1701030 | Nguyễn Vân Anh       | M1K72 |
| 16  | N1   | 1701034 | Trần Thị Lan Anh     | M1K72 |
| 17  | N1   | 1701037 | Lê Thị Ngọc Ánh      | N1K72 |
| 18  | N1   | 1701040 | Nguyễn Thị Ánh       | Q1K72 |
| 19  | N1   | 1701046 | Trần Thị Ngọc Ánh    | M1K72 |
| 20  | N1   | 1701048 | Nguyễn Xuân Bách     | N1K72 |
| 21  | N1   | 1701051 | Ngô Đức Cảnh         | P1K72 |
| 22  | N1   | 1701058 | Trần Thị Tuyết Chinh | O1K72 |
| 23  | N1   | 1701059 | Nguyễn Đức Chuẩn     | P1K72 |
| 24  | N1   | 1701061 | Lưu Thành Công       | N1K72 |
| 25  | N1   | 1701067 | Hoàng Mạnh Cường     | Q1K72 |
| 26  | N1   | 1701068 | Trần Mạnh Cường      | P1K72 |
| 27  | N1   | 1701069 | Trần Minh Cường      | O1K72 |
| 28  | N1   | 1701070 | Đỗ Bá Đại            | M1K72 |
| 29  | N1   | 1701071 | Lê Phạm Đại          | M1K72 |
| 30  | N1   | 1701074 | Nguyễn Thành Đạt     | Q1K72 |
| 31  | N1   | 1701075 | Đặng Đình Đạt        | Q1K72 |
| 32  | N1   | 1701079 | Lê Thị Diễm          | M1K72 |
| 33  | N1   | 1701086 | Vũ Đức Độ            | O1K72 |
| 34  | N1   | 1701087 | Hứa Xuân Đông        | P1K72 |
| 35  | N1   | 1701091 | Nguyễn Anh Đức       | O1K72 |
| 36  | N1   | 1701095 | Nguyễn Văn Đức       | P1K72 |
| 37  | N1   | 1701097 | Đặng Lan Dung        | Q1K72 |
| 38  | N1   | 1701100 | Nguyễn Thị Thùy Dung | M1K72 |
| 39  | N1   | 1701106 | Trần Thị Dung        | N1K72 |
| 40  | N1   | 1701107 | Vũ Thùy Dung         | N1K72 |
| 41  | N1   | 1701109 | Nguyễn Thế Dũng      | Q1K72 |



| STT | Nhóm | MSV     | Họ tên                 | Lớp   |
|-----|------|---------|------------------------|-------|
| 42  | N1   | 1701111 | Nguyễn Tiến Dũng       | P1K72 |
| 43  | N1   | 1701114 | Đinh Thùy Dương        | N1K72 |
| 44  | N1   | 1701118 | Trần Thị Duyên         | N1K72 |
| 45  | N1   | 1701123 | Lê Thị Giang           | M1K72 |
| 46  | N1   | 1701125 | Quách Thị Giang        | Q1K72 |
| 47  | N1   | 1701126 | Trương Thị Hương Giang | N1K72 |
| 48  | N1   | 1701127 | Lương Thị Hà           | M1K72 |
| 49  | N1   | 1701129 | Lương Thị Thu Hà       | M1K72 |
| 50  | N1   | 1701130 | Nguyễn Hồng Hà         | N1K72 |
| 51  | N1   | 1701132 | Nguyễn Thu Hà          | N1K72 |
| 52  | N1   | 1701133 | Phạm Thu Hà            | Q1K72 |
| 53  | N1   | 1701135 | Trần Thị Ngọc Hà       | O1K72 |
| 54  | N1   | 1701136 | Trịnh Ngọc Hà          | P1K72 |
| 55  | N1   | 1701148 | Chu Thúy Hằng          | M1K72 |
| 56  | N1   | 1701152 | Lê Thị Thúy Hằng       | Q1K72 |
| 57  | N1   | 1701165 | Phan Thị Thúy Hằng     | O1K72 |
| 58  | N1   | 1701168 | Vũ Thị Lệ Hằng         | P1K72 |
| 59  | N1   | 1701169 | Nguyễn Đức Hạnh        | N1K72 |
| 60  | N1   | 1701170 | Nguyễn Thị Hạnh        | M1K72 |
| 61  | N1   | 1701172 | Trần Thị Hồng Hạnh     | Q1K72 |
| 62  | N1   | 1701174 | Vũ Thị Hồng Hạnh       | M1K72 |
| 63  | N1   | 1701181 | Hoàng Thị Hiền         | O1K72 |
| 64  | N1   | 1701184 | Ngô Thu Hiền           | N1K72 |
| 65  | N1   | 1701186 | Nguyễn Thị Thu Hiền    | P1K72 |
| 66  | N1   | 1701187 | Nguyễn Thúy Hiền       | P1K72 |
| 67  | N1   | 1701190 | Kiều Minh Hiếu         | Q1K72 |
| 68  | N1   | 1701193 | Nguyễn Minh Hiếu       | Q1K72 |
| 69  | N1   | 1701194 | Nguyễn Thị Minh Hiếu   | Q1K72 |
| 70  | N1   | 1701195 | Nguyễn Trung Hiếu      | M1K72 |
| 71  | N1   | 1701196 | Phạm Trung Hiếu        | P1K72 |
| 72  | N1   | 1701197 | Trần Sĩ Hiếu           | P1K72 |
| 73  | N1   | 1701198 | Bùi Thị Quỳnh Hoa      | M1K72 |
| 74  | N1   | 1701199 | Cao Thị Hoa            | N1K72 |
| 75  | N1   | 1701204 | Nguyễn Thị Hoa         | N1K72 |
| 76  | N1   | 1701205 | Trần Thị Khánh Hòa     | M1K72 |
| 77  | N1   | 1701210 | Nguyễn Thị Hoàn        | M1K72 |
| 1   | N2   | 1701211 | Lưu Việt Hoàng         | N1K72 |
| 2   | N2   | 1701217 | Lê Thu Hồng            | Q1K72 |
| 3   | N2   | 1701220 | Trần Thị Mai Hồng      | P1K72 |
| 4   | N2   | 1701221 | Vũ Minh Hồng           | P1K72 |
| 5   | N2   | 1701222 | Đỗ Ngọc Huân           | O1K72 |
| 6   | N2   | 1701223 | Lò Thị Huệ             | O1K72 |
| 7   | N2   | 1701225 | Bùi Thị Huệ            | O1K72 |
| 8   | N2   | 1701226 | Nguyễn Minh Huệ        | O1K72 |
| 9   | N2   | 1701230 | Phạm Văn Hùng          | M1K72 |
| 10  | N2   | 1701231 | Phan Quốc Hùng         | M1K72 |
| 11  | N2   | 1701233 | Vũ Tiến Hùng           | O1K72 |

| STT | Nhóm | MSV     | Họ tên                 | Lớp   |
|-----|------|---------|------------------------|-------|
| 12  | N2   | 1701234 | Vương Hoàng Hùng       | M1K72 |
| 13  | N2   | 1701238 | Bùi Thị Mai Hương      | M1K72 |
| 14  | N2   | 1701239 | Đào Thị Hương          | M1K72 |
| 15  | N2   | 1701240 | Hoàng Mĩ Hương         | P1K72 |
| 16  | N2   | 1701244 | Nguyễn Thị Hương       | O1K72 |
| 17  | N2   | 1701249 | Nông Thị Hương         | O1K72 |
| 18  | N2   | 1701262 | Trần Văn Huy           | P1K72 |
| 19  | N2   | 1701264 | Vũ Quang Huy           | O1K72 |
| 20  | N2   | 1701267 | Bùi Thị Thanh Huyền    | N1K72 |
| 21  | N2   | 1701276 | Nguyễn Thị Thanh Huyền | O1K72 |
| 22  | N2   | 1701277 | Phạm Thị Thanh Huyền   | N1K72 |
| 23  | N2   | 1701280 | Trần Thu Huyền         | M1K72 |
| 24  | N2   | 1701282 | Trịnh Minh Huyền       | O1K72 |
| 25  | N2   | 1701285 | Nguyễn Quốc Khánh      | Q1K72 |
| 26  | N2   | 1701288 | Trần Trung Kiên        | Q1K72 |
| 27  | N2   | 1701292 | Nguyễn Văn Lâm         | O1K72 |
| 28  | N2   | 1701293 | Đào Thị Hà Lan         | N1K72 |
| 29  | N2   | 1701295 | Hoàng Thị Lan          | N1K72 |
| 30  | N2   | 1701300 | Đào Thị Thu Liễu       | M1K72 |
| 31  | N2   | 1701301 | Phạm Thị Liễu          | Q1K72 |
| 32  | N2   | 1701302 | Đinh Thị Linh          | Q1K72 |
| 33  | N2   | 1701303 | Đỗ Diệu Linh           | Q1K72 |
| 34  | N2   | 1701304 | Đỗ Khánh Linh          | N1K72 |
| 35  | N2   | 1701311 | Lê Ngọc Thùy Linh      | N1K72 |
| 36  | N2   | 1701312 | Lê Thị Khánh Linh      | O1K72 |
| 37  | N2   | 1701315 | Lê Thị Phương Linh     | M1K72 |
| 38  | N2   | 1701316 | Lê Thị Phương Linh     | M1K72 |
| 39  | N2   | 1701322 | Nguyễn Mai Linh        | O1K72 |
| 40  | N2   | 1701325 | Nguyễn Thị Linh        | P1K72 |
| 41  | N2   | 1701341 | Nguyễn Đức Lộc         | O1K72 |
| 42  | N2   | 1701342 | Đinh Trần Bảo Long     | P1K72 |
| 43  | N2   | 1701343 | Lê Hải Long            | P1K72 |
| 44  | N2   | 1701347 | Bùi Thị Hiền Lương     | M1K72 |
| 45  | N2   | 1701348 | Trương Thị Kim Lương   | M1K72 |
| 46  | N2   | 1701349 | Nguyễn Văn Lượng       | O1K72 |
| 47  | N2   | 1701351 | Ngô Thị Hương Ly       | N1K72 |
| 48  | N2   | 1701352 | Trần Khánh Ly          | M1K72 |
| 49  | N2   | 1701359 | Hoàng Thị Mai          | M1K72 |
| 50  | N2   | 1701363 | Nguyễn Thị Ngọc Mai    | Q1K72 |
| 51  | N2   | 1701365 | Trần Thị Hoa Mai       | M1K72 |
| 52  | N2   | 1701368 | Hoàng Thị Hà Mi        | O1K72 |
| 53  | N2   | 1701382 | Nguyễn Trà My          | O1K72 |
| 54  | N2   | 1701384 | Hồ Việt Nam            | Q1K72 |
| 55  | N2   | 1701385 | Nguyễn Văn Nam         | O1K72 |
| 56  | N2   | 1701388 | Vũ Việt Nam            | N1K72 |
| 57  | N2   | 1701390 | Hà Thị Nga             | N1K72 |
| 58  | N2   | 1701395 | Nguyễn Thị Nga         | N1K72 |



| STT | Nhóm | MSV     | Họ tên                | Lớp   |
|-----|------|---------|-----------------------|-------|
| 59  | N2   | 1701399 | Phạm Thị Nga          | P1K72 |
| 60  | N2   | 1701400 | Phạm Thị Nga          | N1K72 |
| 61  | N2   | 1701402 | Nguyễn Thị Thúy Nga   | N1K72 |
| 62  | N2   | 1701404 | Hoàng Thị Ngân        | Q1K72 |
| 63  | N2   | 1701405 | Nguyễn Khánh Ngân     | N1K72 |
| 64  | N2   | 1701410 | Từ Thị Kim Ngân       | O1K72 |
| 65  | N2   | 1701411 | Vũ Thị Ngân           | N1K72 |
| 66  | N2   | 1701412 | Nguyễn Trung Nghĩa    | Q1K72 |
| 67  | N2   | 1701418 | Lê Thị Bích Ngọc      | O1K72 |
| 68  | N2   | 1701420 | Trịnh Thị Minh Ngọc   | N1K72 |
| 69  | N2   | 1701422 | Vũ Thị Bích Ngọc      | P1K72 |
| 70  | N2   | 1701429 | Lê Bích Nhài          | O1K72 |
| 71  | N2   | 1701430 | Nguyễn Khắc Nhân      | Q1K72 |
| 72  | N2   | 1701431 | Nguyễn Thị Thanh Nhân | Q1K72 |
| 73  | N2   | 1701432 | Phan Thị Thanh Nhân   | M1K72 |
| 74  | N2   | 1701433 | Lê Thị Nhân           | N1K72 |
| 75  | N2   | 1701436 | Nguyễn Tiến Nhật      | M1K72 |
| 76  | N2   | 1701438 | Vũ Thị Hoài Nhi       | P1K72 |
| 77  | N2   | 1701444 | Nguyễn Thị Hồng Nhung | P1K72 |
| 1   | N3   | 1701447 | Trần Thị Nụ           | O1K72 |
| 2   | N3   | 1701449 | Hà Kiều Oanh          | M1K72 |
| 3   | N3   | 1701451 | Hoàng Thị Oanh        | M1K72 |
| 4   | N3   | 1701453 | Ngô Thị Kiều Oanh     | O1K72 |
| 5   | N3   | 1701456 | Đinh Quang Phú        | P1K72 |
| 6   | N3   | 1701462 | Hoàng Đình Phương     | O1K72 |
| 7   | N3   | 1701467 | Phan Thị Phương       | O1K72 |
| 8   | N3   | 1701468 | Trần Thị Hà Phương    | P1K72 |
| 9   | N3   | 1701469 | Trần Thị Phương       | Q1K72 |
| 10  | N3   | 1701474 | Bùi Văn Quang         | Q1K72 |
| 11  | N3   | 1701476 | Trần Minh Quang       | O1K72 |
| 12  | N3   | 1701478 | Lê Thị Hồng Quyên     | M1K72 |
| 13  | N3   | 1701480 | Lương Thị Quyên       | M1K72 |
| 14  | N3   | 1701485 | Lò Thị Quỳnh          | N1K72 |
| 15  | N3   | 1701487 | Nguyễn Thị Mai Quỳnh  | N1K72 |
| 16  | N3   | 1701490 | Lê Thị Sao            | N1K72 |
| 17  | N3   | 1701492 | Đỗ Thị Sinh           | P1K72 |
| 18  | N3   | 1701493 | Bùi Văn Sơn           | M1K72 |
| 19  | N3   | 1701501 | Hồ Như Tân            | O1K72 |
| 20  | N3   | 1701504 | Nguyễn Quyết Thắng    | Q1K72 |
| 21  | N3   | 1701505 | Nguyễn Việt Thắng     | M1K72 |
| 22  | N3   | 1701507 | Phạm Đức Thắng        | O1K72 |
| 23  | N3   | 1701508 | Trương Công Thắng     | O1K72 |
| 24  | N3   | 1701511 | Nguyễn Thị Hoài Thanh | N1K72 |
| 25  | N3   | 1701513 | Viên Thị Thanh        | O1K72 |
| 26  | N3   | 1701516 | Mai Tuấn Thành        | O1K72 |
| 27  | N3   | 1701518 | Nguyễn Tuấn Thành     | O1K72 |
| 28  | N3   | 1701519 | Phan Xuân Thành       | P1K72 |

| STT | Nhóm | MSV     | Họ tên                   | Lớp   |
|-----|------|---------|--------------------------|-------|
| 29  | N3   | 1701530 | Nguyễn Thị Phương Thảo   | N1K72 |
| 30  | N3   | 1701532 | Nguyễn Thị Thảo          | N1K72 |
| 31  | N3   | 1701535 | Nguyễn Thu Thảo          | P1K72 |
| 32  | N3   | 1701538 | Vũ Phương Thảo           | N1K72 |
| 33  | N3   | 1701541 | Trần Thị Tho             | N1K72 |
| 34  | N3   | 1701543 | Nguyễn Thị Thoa          | N1K72 |
| 35  | N3   | 1701544 | Nguyễn Thị Thoa          | O1K72 |
| 36  | N3   | 1701546 | Bùi Thị Thơm             | M1K72 |
| 37  | N3   | 1701547 | Phạm Thị Thơm            | P1K72 |
| 38  | N3   | 1701550 | Mai Thị Thu              | O1K72 |
| 39  | N3   | 1701556 | Đặng Quỳnh Thu           | M1K72 |
| 40  | N3   | 1701557 | Phạm Thị Minh Thu        | M1K72 |
| 41  | N3   | 1701559 | Hoàng Thị Thương         | Q1K72 |
| 42  | N3   | 1701563 | Trần Thị Hoài Thương     | O1K72 |
| 43  | N3   | 1701565 | Nguyễn Thị Thùy          | N1K72 |
| 44  | N3   | 1701566 | Phạm Thị Thu Thủy        | O1K72 |
| 45  | N3   | 1701568 | Lê Thị Thúy              | O1K72 |
| 46  | N3   | 1701575 | Phạm Thị Thùy            | N1K72 |
| 47  | N3   | 1701577 | Hà Thị Thủy              | Q1K72 |
| 48  | N3   | 1701580 | Lưu Thị Thủy             | N1K72 |
| 49  | N3   | 1701583 | Trần Thu Thủy            | M1K72 |
| 50  | N3   | 1701585 | Lê Mạnh Tiến             | Q1K72 |
| 51  | N3   | 1701588 | Ngô Văn Tiếp             | M1K72 |
| 52  | N3   | 1701589 | Trần Đức Toàn            | O1K72 |
| 53  | N3   | 1701590 | Ngô Thu Trà              | O1K72 |
| 54  | N3   | 1701592 | Đào Thị Huyền Trang      | O1K72 |
| 55  | N3   | 1701594 | Dương Thị Thu Trang      | O1K72 |
| 56  | N3   | 1701595 | Hà Thị Hoài Trang        | N1K72 |
| 57  | N3   | 1701598 | Ngô Đặng Huyền Trang     | Q1K72 |
| 58  | N3   | 1701599 | Ngô Thị Huyền Trang      | Q1K72 |
| 59  | N3   | 1701600 | Nguyễn Hà Trang          | N1K72 |
| 60  | N3   | 1701602 | Nguyễn Hoàng Quỳnh Trang | N1K72 |
| 61  | N3   | 1701603 | Nguyễn Thị Huyền Trang   | O1K72 |
| 62  | N3   | 1701607 | Nguyễn Thị Quỳnh Trang   | M1K72 |
| 63  | N3   | 1701610 | Phạm Thị Thu Trang       | M1K72 |
| 64  | N3   | 1701617 | Trần Thị Trang           | N1K72 |
| 65  | N3   | 1701618 | Trịnh Thị Quỳnh Trang    | M1K72 |
| 66  | N3   | 1701620 | Vũ Quỳnh Trang           | N1K72 |
| 67  | N3   | 1701622 | Ngô Thị Kiều Trinh       | Q1K72 |
| 68  | N3   | 1701624 | Nguyễn Thị Thùy Trinh    | M1K72 |
| 69  | N3   | 1701633 | Tô Ngọc Tú               | P1K72 |
| 70  | N3   | 1701638 | Hoàng Ngọc Tuấn          | Q1K72 |
| 71  | N3   | 1701643 | Lê Vương Tùng            | O1K72 |
| 72  | N3   | 1701652 | Lê Thị Tuyết             | M1K72 |
| 73  | N3   | 1701653 | Nguyễn Thị Tuyết         | Q1K72 |
| 74  | N3   | 1701655 | Trịnh Ánh Tuyết          | O1K72 |
| 75  | N3   | 1701657 | Hà Thị Uyên              | Q1K72 |



| STT | Nhóm | MSV     | Họ tên                | Lớp   |
|-----|------|---------|-----------------------|-------|
| 76  | N3   | 1701663 | Phạm Thị Thu Uyên     | Q1K72 |
| 77  | N3   | 1701665 | Dương Thị Vân         | N1K72 |
| 1   | N4   | 1701666 | Hạ Thị Vân            | O1K72 |
| 2   | N4   | 1701672 | Phạm Thị Hồng Vân     | M1K72 |
| 3   | N4   | 1701673 | Trần Nguyễn Khánh Vân | N1K72 |
| 4   | N4   | 1701674 | Trần Thị Thanh Vân    | M1K72 |
| 5   | N4   | 1701680 | Phan Hoàng Vũ         | N1K72 |
| 6   | N4   | 1701684 | Bùi Thị Yên           | M1K72 |
| 7   | N4   | 1701685 | Hoàng Thị Yên         | M1K72 |
| 8   | N4   | 1706002 | Vũ Thị Hồng Dương     | N-K13 |
| 9   | N4   | 1706006 | Nguyễn Thị Ngà        | M-K12 |
| 10  | N4   | 1801069 | Trần Thị Bích         | P1K73 |
| 11  | N4   | 1801072 | Hoàng Thanh Bình      | Q1K73 |
| 12  | N4   | 1801183 | Lương Thu Hằng        | M1K73 |
| 13  | N4   | 1801211 | Đào Thị Thu Hiền      | P1K73 |
| 14  | N4   | 1801428 | Vũ Thành Long         | M1K73 |
| 15  | N4   | 1801440 | Nguyễn Thị Mai        | Q1K73 |
| 16  | N4   | 1801485 | Lương Mỹ Kim Ngân     | O1K73 |
| 17  | N4   | 1801624 | Nguyễn Duy Thắng      | Q1K73 |
| 18  | N4   | 1801645 | Nguyễn Phương Thảo    | M1K73 |
| 19  | N4   | 1801712 | Nguyễn Thị Thu Trang  | M1K73 |
| 20  | N4   | 1801715 | Nguyễn Thu Trang      | M1K73 |
| 21  | N4   | 1801722 | Phạm Thị Trang        | M1K73 |
| 22  | N4   | 1801739 | Nguyễn Anh Tuấn       | O1K73 |
| 23  | N4   | 1801761 | Trần Hà Vân           | P1K73 |
| 24  | N4   | 1801764 | Phạm Tiến Văn         | N1K73 |
| 25  | N4   | 1801791 | Đỗ Thị Hồng Yên       | P1K73 |

Danh sách này gồm có 256 sinh viên./.